

Bản án số: **06/2024/KDTM-ST**
Ngày 28 tháng 5 năm 2024
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lệ Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Ngọc Thịnh**

Bà **Đào Phương Mai**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Gấm** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 52/2021/TLST- KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐHPT-ST ngày 05/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐTNPT- ST ngày 04/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐTNPT- ST ngày 07/5/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng N5.**

Trụ sở: Số B L, T, B, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V** – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn N** – Phó trưởng phòng xử lý nợ A2 chi nhánh L2 (Văn bản ủy quyền số 569/UQ-NHNo.LB.TH ngày 4/4/2024)

*** Bị đơn: Công ty TNHH T9.**

Trụ sở: Tầng A tòa nhà L T, A Khu Á, N, T, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Anh T1** – Tổng Giám đốc.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Tô Văn T2**, sinh năm 1969;
2. Bà **Lê Thị N1**, sinh năm 1972;
3. Anh **Tô Hoàng A**, sinh năm 1995;
4. Bà **Trần Thị T3**, sinh năm 1945;
5. Ông **Tô Văn B**, sinh năm 1964;

Cùng HKTT: Thôn S, xã N, huyện Đ, Hà Nội.

6. Chị **Tô Thị H**, sinh năm 1992;

HKTT: Thôn T, xã N, huyện Đ, Hà Nội

(Bà N1, anh Hoàng A, bà T3, ông B1, chị H do ông T2 đại diện theo ủy quyền).

7. Anh **Phạm Anh T1**, sinh năm 1977;

HKTT: Tổ dân phố A, thị trấn T, huyện G, Hà Nội.

8. Bà **Nguyễn Thị T4**, sinh năm 1963;

9. Anh **Lã Hồng T5**, sinh năm 1988;

10. Chị **Nguyễn Thu Trang N2**, sinh năm 1990;

11. Cháu **Lã Minh A1**, sinh năm 2013;

12. Cháu **Lã Minh H1**, sinh năm 2019

13. Anh **Lã Tiến T6**, sinh năm 2006.

Cùng địa chỉ: H G, Đ, H, Hà Nội

(Anh T5, chị N2, anh T6 do bà T4 đại diện theo ủy quyền)

14. **Công ty TNHH V1;**

Địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà S, D L, phường L, quận H, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Mạnh H2** – Tổng giám đốc.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Công ty CP C1;**

Địa chỉ: A, A, Hải Phòng; D

Đại diện theo pháp luật: **Ông Bùi Hữu N3** – Tổng giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng N5 trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau:

Công ty TNHH T9 (Gọi tắt là “**Công ty T9**”) vay vốn tại Ngân hàng N5 – Chi nhánh H3 (Gọi tắt là “**A2 Chi nhánh H3**”) theo :

1. Hợp đồng tín dụng số 1502-LAV-201800637 ngày 06/11/2018 và các phụ lục kèm theo với số tiền cho vay tối đa là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng); Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua 01 tàu chở dầu theo Hợp đồng mua bán tàu biển số 05.18/2018/DH-HL ngày 25/10/2018 giữa Công ty TNHH V2 (Bên bán) và Công ty TNHH T9 (Bên mua); lãi suất cho vay trong hạn 9.5% năm tại thời điểm kí hợp đồng tín dụng. Đã điều chỉnh lãi suất 8.5% năm. Dư nợ hiện tại theo các giấy nhận nợ sau:

1.1. Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201801994 ngày 06/11/2018; số tiền nhận nợ 22.500.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng); Mục đích: thanh toán tiền mua tàu; ngày trả nợ cuối cùng 06/11/2023. Dư nợ đến ngày 30/09/2022 là 18.375.000.000 đồng (Mười tám tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

1.2. Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201802019 ngày 09/11/2018; số tiền nhận nợ 7.500.000.000 đồng (Bảy tỷ năm trăm triệu đồng); Mục đích: thanh toán tiền mua tàu; ngày trả nợ cuối cùng 06/11/2023. Dư nợ đến ngày 30/09/2022 là 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng).

2. Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1502LAV202000594 ngày 29/12/2020 với hạn mức cấp tín dụng là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng) và các phụ lục kèm theo. Hợp đồng này bao gồm cả số dư cấp tín dụng của Hợp đồng tín dụng số 1502-LAV-201900620 ngày 14/11/2019 và các phụ lục kèm theo; Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu và vận tải xăng dầu bằng đường biển năm 2020-2021; Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ tại từng thời điểm. Dư nợ hiện tại theo các Giấy nhận nợ sau:

2.1. Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901401 ngày 14/10/2019; Số tiền nhận nợ: 5.000.000.000 đồng; Mục đích: Thanh toán tiền mua dầu C; Thời hạn cho vay: từ 14/10/2019 đến 14/04/2020; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm. Dư nợ đến ngày 30/09/2022 của Giấy nhận nợ là: 5.000.000.000 đồng; Lãi chưa trả đến ngày 30/09/2022 là: 947.842.466 đồng.

2.2. Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901527 ngày 05/11/2019; Số tiền nhận nợ: 1.980.000.000 đồng; Mục đích: Thanh toán tiền mua dầu C; Thời hạn cho vay: từ 05/11/2019 đến 05/05/2020; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm. Dư nợ đến ngày 30/09/2022 của Giấy nhận nợ là: 1.980.000.000 đồng; Lãi chưa trả đến ngày 30/09/2022 là: 375.063.534 đồng.

2.3. Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901578 ngày 14/11/2019; Số tiền nhận nợ: 2.300.000.000 đồng; Mục đích: Thanh toán tiền mua dầu nhờn BP; Thời hạn cho vay: từ 14/11/2019 đến 14/05/2020; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm. Dư nợ đến ngày 30/09/2022 của Giấy nhận nợ là: 2.300.000.000 đồng; Lãi chưa trả đến ngày 30/09/2022 là: 435.475.068 đồng.

2.4. Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901604 ngày 19/11/2019; Số tiền nhận nợ: 3.000.000.000 đồng; Mục đích: Thanh toán tiền mua dầu nhờn BP và C; Thời hạn cho vay: từ 19/11/2019 đến 19/05/2020; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm. Dư nợ đến ngày 30/09/2022 của Giấy nhận nợ là: 3.000.000.000 đồng; Lãi chưa trả đến ngày 30/09/2022 là: 567.904.110 đồng.

2.5. Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901611 ngày 20/11/2019; Số tiền nhận nợ: 2.600.000.000 đồng; Mục đích: Thanh toán tiền mua dầu nhờn; Thời hạn cho vay: từ 20/11/2019 đến 20/05/2020; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm. Dư nợ đến ngày 30/09/2022 của Giấy nhận nợ là: 2.600.000.000 đồng; Lãi chưa trả đến ngày 30/09/2022 là: 492.114.110 đồng.

2.6. Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901616 ngày 21/11/2019; Số tiền nhận nợ: 2.700.000.000 đồng; Mục đích: Thanh toán tiền mua dầu nhờn; Thời hạn cho vay: từ 21/11/2019 đến 21/05/2020; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm. Dư nợ đến ngày 30/09/2022 của Giấy nhận nợ là: 2.700.000.000 đồng; Lãi chưa trả đến ngày 30/09/2022 là: 511.041.575 đồng.

2.7. Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901627 ngày 21/11/2019; Số tiền nhận nợ: 2.800.000.000 đồng; Mục đích: Thanh toán tiền mua dầu nhờn; Thời hạn cho vay: từ 21/11/2019 đến 21/05/2020; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm. Dư nợ đến ngày 30/09/2022 của Giấy nhận nợ là: 2.800.000.000 đồng; Lãi chưa trả đến ngày 30/09/2022 là: 529.944.110 đồng.

2.8. Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901629 ngày 22/11/2019; Số tiền nhận nợ: 1.620.000.000 đồng; Mục đích: Thanh toán tiền mua dầu nhờn; Thời hạn cho vay: từ 22/11/2019 đến 22/05/2020; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm. Dư nợ đến ngày 30/09/2022 của Giấy nhận nợ là: 1.620.000.000 đồng; Lãi chưa trả đến ngày 30/09/2022 là: 309.163.685 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty T9 như sau:

1. Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 74; Tờ bản đồ số 03; Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **AC576562** do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/11/2005. Chủ sở hữu là hộ gia đình ông Tô Văn T2 (bao gồm các ông bà Tô Văn T2, Tô Văn B, Trần Thị T3, Lê Thị N1, Tô Thị H, Tô Hoàng A). Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 2752/2018/HĐTC, quyền số 28/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 12/10/2018 tại Văn phòng C2; Đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ - Chi nhánh huyện Đ ngày 16/10/2018. Yêu cầu đăng kí thay đổi, sửa chữa sai sót tại Văn phòng Đ chi nhánh huyện Đ ngày 19/10/2018. Tài sản được bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T9, nghĩa vụ được bảo đảm 7.200.000.000 đồng.

2. Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số (65+66)1f; Tờ bản đồ số 6H-III-35; Địa chỉ: Số H đường G, phường Đ, quận H, TP .; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD769015 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 27/07/2016. Chủ sở hữu là ông Phạm Anh T1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 2613/2018/HĐTC, quyền số 27/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 28/09/2018 tại Văn phòng C2; Đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ – Chi nhánh quận H ngày 01/10/2018. Tài sản được bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T9, nghĩa vụ được bảo đảm 9.290.000.000 đồng.

3. Các tài sản cùng quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản là 01(một) con tàu tên HOÀNG LINH 58, loại tàu: M. Tàu chở dầu, hồ hiệu/số IMO: 3WQD9/9782936, trọng tải toàn phần: 2915.30 MT, năm đóng: 2015, nơi đóng: Việt Nam, nơi đăng kí: Hải Phòng, tổ chức đăng kiểm: Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng kí số: HP-OIL-000820-3 do C3 tại thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/10/2018. Chủ sở hữu là Công ty TNHH T9. Hợp đồng thế chấp tài sản là động sản số công chứng 2446.2018/HĐTC, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/11/2018. Đăng kí thế chấp tại C3 tại thành phố Hải Phòng ngày 02/11/2018 theo số giấy chứng nhận 101/ĐKTC-2018.HP. Tài sản được bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T9, nghĩa vụ được bảo đảm 30.000.000.000 đồng.

4. Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số 149; Tờ bản đồ số 55; Địa chỉ: Đ, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK

954164 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 26/01/2018. Chủ sở hữu là ông Tạ Văn T7 và bà Kiều Thị L đã được Văn phòng Đ1 - Chi nhánh Huyện Q đăng ký sang tên ngày 26/11/2018. Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng: 1022.2019, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 05/3/2019 tại Văn phòng Đ; Đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ – Chi nhánh quận H ngày 06/3/2019. Tài sản được bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T9, nghĩa vụ được bảo đảm 1.521.000.000 đồng.

Yêu cầu khởi kiện:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty TNHH T9 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ. Toàn bộ dư nợ các khoản vay trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù, A2 Chi nhánh H3 đã giảm lãi suất, tạo điều kiện cho khách hàng trong việc trả nợ nhưng đến nay Công ty TNHH T9 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng cam kết với Ngân hàng.

Hiện tổng dư nợ của Công ty TNHH T9 tạm tính đến ngày 30/9/2022 là 55,967,838,808 đồng (Năm mươi năm tỷ, chín trăm sáu mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi tám ngàn, tám trăm linh tám đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: 46.375.000.000 đồng.
- Nợ lãi: 9.592.838.808 đồng.
- + Lãi trong hạn: 6.484.518.836 đồng.
- + Lãi quá hạn: 3.108.319.973 đồng.

Theo đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng A2 khởi kiện Công ty TNHH T9 đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm để yêu cầu Tòa án giải quyết :

1. Buộc Công ty TNHH T9 thanh toán cho Ngân hàng N5 số tiền nợ gốc và lãi theo :

Hợp đồng tín dụng số 1502LAV201800637 ngày 06/11/2018 và các Phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo, nợ gốc lãi tạm tính đến ngày 30/9/2022 là: 29.799.290.151 đồng (Hai mươi chín tỷ bảy trăm chín mươi chín triệu hai trăm chín mươi ngàn một trăm năm mươi một đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: 24.375.000.000 đồng.
- Nợ lãi: 5.424.290.151 đồng.
- + Lãi trong hạn: 4.647.405.137 đồng.
- + Lãi quá hạn: 776.885.014 đồng.

Và Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1502LAV202000594 ngày 29/12/2020 và các Phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo. Hợp đồng này bao gồm cả số dư cấp tín dụng của Hợp đồng tín dụng số 1502-LAV-201900620 ngày 14/11/2019 và các phụ lục. Nợ gốc lãi tạm tính đến ngày 30/9/2022 là: 26.168.548.658 đồng (Hai mươi sáu tỷ một trăm sáu mươi tám triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn sáu trăm năm mươi tám đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: 22.000.000.000 đồng.
- Nợ lãi: 4.168.548.658 đồng.
- + Lãi trong hạn: 1.837.113.699 đồng.
- + Lãi quá hạn: 2.331.434.959 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH T9 thanh toán cho Ngân hàng N5 số tiền lãi phát sinh theo 02 hợp đồng: Hợp đồng tín dụng 1502LAV201800637 ngày 06/11/2018 và các Phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo, hợp đồng hạn mức tín dụng số 1502LAV202000594 ngày 29/12/2020 và các Phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo, từ sau ngày 30/9/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc.

Trường hợp Công ty TNHH T9 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng N5 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án kê biên xử lý toàn bộ tài sản thế chấp nêu tại Mục 2 của Đơn khởi kiện để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

3. Trường hợp thi hành án, xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ gốc và lãi trên thì Ngân hàng N5 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên tài sản của Công ty TNHH T9 để thu hồi toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

Ngày 5/5/2023, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có “Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện” có nội dung: Trong quá trình Quý tòa giải quyết vụ án, căn cứ các Hợp đồng tín dụng đã ký với Công ty TNHH T9, các hợp đồng thế

chấp tài sản ký với các bên liên quan, đến nay A2 Chi nhánh V3 đã thỏa thuận với khách hàng và bên liên quan xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận, cụ thể:

Ngày 01/12/2022, A2 Chi nhánh V3 và các bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thống nhất xử lý tài sản là: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số 149; Tờ bản đồ số 55; Địa chỉ: Đ, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 954164 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 26/01/2018. Chủ sở hữu là ông Tạ Văn T7 và bà Kiều Thị L đã được Văn phòng Đ - Chi nhánh huyện Q đăng ký sang tên ngày 26/11/2018. Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng: 1022.2019, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 05/3/2019 tại Văn phòng Đ; Số tiền thu được từ xử lý tài sản trên Ngân hàng đã thu trừ vào nợ gốc số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Nay, Ngân hàng làm đơn này xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

A. Xin rút một phần yêu cầu khởi kiện:

1. *Rút một phần yêu cầu thanh toán nợ gốc: 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng).*

2. *Rút một phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là:*

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số 149; Tờ bản đồ số 55; Địa chỉ: Đ, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 954164 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 26/01/2018. Chủ sở hữu là ông Tạ Văn T7 và bà Kiều Thị L đã được Văn phòng Đ1 - Chi nhánh huyện Q đăng ký sang tên ngày 26/11/2018. Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng: 1022.2019, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 05/3/2019 tại Văn phòng Đ.

3. Rút một phần yêu cầu khởi kiện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là: Ông Tạ Văn T7, sinh năm 1976. Đăng kí hộ khẩu thường trú tại : xóm E, L, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội. Và Bà Kiều Thị L, sinh năm 1976. Đăng kí hộ khẩu thường trú tại : xóm E, L, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Nay nguyên đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH T9 trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 30/4/2023 là:

- Nợ gốc là 44,375,000,000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Nợ lãi là 11,345,266,205 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, ba trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm linh năm đồng), bao gồm:

+ Lãi trong hạn là: 6,799,251,712 đồng.

+ Lãi quá hạn: 4,546,014,493 đồng.

Tổng cộng: 55,720,266,205 đồng (Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ, bảy trăm hai mươi triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm linh năm đồng).

Và khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc nêu trên từ sau ngày 30/4/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Sau khi Ngân hàng và các bên liên quan thỏa thuận xử lý một phần tài sản bảo đảm, khoản vay của Công ty TNHH T9 còn được bảo đảm bằng các tài sản là:

2.1. Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 74; Tờ bản đồ số 03; Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC576562 do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/11/2005. Chủ sở hữu là hộ gia đình ông Tô Văn T2 (bao gồm các ông bà Tô Văn T2, Tô Văn B, Trần Thị T3, Lê Thị N1, Tô Thị H, Tô Hoàng A). Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 2752/2018/HĐTC, quyền số 28/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 12/10/2018 tại Văn phòng C2; Đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ - Chi nhánh huyện Đ ngày 16/10/2018. Yêu cầu

đăng kí thay đổi, sửa chữa sai sót tại Văn phòng Đ chi nhánh huyện Đ ngày 19/10/2018. Tài sản được bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T9, nghĩa vụ được bảo đảm 7.200.000.000 đồng.

2.2. Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số (65+66)1f; Tờ bản đồ số 6H-III-35; Địa chỉ: Số H đường G, phường Đ, quận H, TP .; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD769015 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 27/07/2016. Chủ sở hữu là ông Phạm Anh T1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 2613/2018/HĐTC, quyền số 27/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 28/09/2018 tại Văn phòng C2; Đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ – Chi nhánh quận H ngày 01/10/2018. Tài sản được bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T9, nghĩa vụ được bảo đảm 9.290.000.000 đồng.

2.3. Các tài sản cùng quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản là 01(một) con tàu tên HOÀNG LINH 58, loại tàu: M. Tàu chở dầu, hô hiệu/số IMO: 3WQD9/9782936, trọng tải toàn phần: 2915.30 MT, năm đóng: 2015, nơi đóng: Việt Nam, nơi đăng kí: Hải Phòng, tổ chức đăng kiểm: Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng kí số: HP-OIL-000820-3 do C3 tại thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/10/2018. Chủ sở hữu là Công ty TNHH T9. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 2613/2018/HĐTC, quyền số 27/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 28/09/2018 . Đăng kí thế chấp tại C3 tại thành phố Hải Phòng ngày 02/11/2018 theo số giấy chứng nhận 101/ĐKTC-2018.HP. Tài sản được bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T9, nghĩa vụ được bảo đảm 30.000.000.000 đồng.

3. Trường hợp Công ty TNHH T9 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng N5 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án kê biên xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp thi hành án, xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ gốc và lãi trên thì Ngân hàng N5 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên tài sản của Công ty TNHH T9 để thu hồi toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn Công ty TNHH T9 do ông Phạm Anh T1 – Người đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty TNHH T9 (sau đây gọi là Công ty T9) xác nhận hiện đang nợ Ngân hàng N5 chi nhánh H3 (nay là chi nhánh V3) đến ngày 15/3/2023 dự kiến:

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1502LAV202000594 ký ngày 29/12/2020 dư nợ gốc: 20.000.000.000 đồng;

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 1502LAV201800637 ký ngày 06/11/2018 dư nợ gốc: 24.375.000.000 đồng;

- Tổng lãi tồn đọng phát sinh: 16.274.393.016 đồng.

Hiện tại các khoản vay trung hạn và ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng đã bị quá hạn thời gian dài và đang được Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý giải quyết. Do thời gian dịch bệnh covid kéo dài nên hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng nặng nề, bản thân ông phải chịu án phạt 15 tháng tù về tội trốn thuế, không có người điều hành nên Công ty khó khăn về tài chính. Trên tinh thần thiện chí xử lý các khoản vay đã quá hạn tại ngân hàng, Công ty sẽ kết hợp cùng Ngân hàng bán tàu chở dầu Hoàng L1 58 cho đối tác và dự kiến sẽ tất toán khoản vay trung hạn theo Hợp đồng số 1502LAV201800637 ký ngày 06/11/2018 chậm nhất trong tháng 5/2023 và các khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1502LAV202000594 ký ngày 29/12/2020. Công ty sẽ kết hợp với cổ đông và chủ tài sản để bán dần tài sản tất toán dứt điểm cho Ngân hàng trong năm 2023.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Tô Văn T2**, sinh năm 1969;

2. Bà **Lê Thị N1**, sinh năm 1972;

3. Anh **Tô Hoàng A**, sinh năm 1995;

4. Bà **Trần Thị T3**, sinh năm 1945;

5. Ông **Tô Văn B**, sinh năm 1964;

Cùng HKTT: Thôn S, xã N, huyện Đ, Hà Nội.

6. Chị **Tô Thị H**, sinh năm 1992;

HKTT: Thôn T, xã N, huyện Đ, Hà Nội

(Bà N1, anh Hoàng A, bà T3, ông B1, chị H do ông T2 đại diện theo ủy quyền) trình bày: Tại thời điểm thế chấp nhà đất năm 2018 thuộc Thửa đất số 74; Tờ bản đồ số 03; Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC576562 do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/11/2005, có mô tả tài sản thế chấp là nhà cấp 4 là mô tả theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất. Thực tế nhà ông xây dựng từ năm 2005, từ đó đến nay không cải tạo sửa chữa gì khác và cũng không tranh chấp với các hộ liền kề.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Nguyễn Thị T4**, sinh năm 1963;
2. Anh **Lã Hồng T5**, sinh năm 1988;
3. Chị **Nguyễn Thu Trang N2**, sinh năm 1990;
4. Cháu **Lã Minh A1**, sinh năm 2013;
5. Cháu **Lã Minh H1**, sinh năm 2019
6. Anh **Lã Tiến T6**, sinh năm 2006.

Cùng địa chỉ: H G, Đ, H, Hà Nội.

(Anh T5, chị N2, anh T6 do bà T4 đại diện theo ủy quyền) trình bày: Nhà số H đường G, phường Đ, quận H, Hà Nội trước đây là của bà và chồng là ông Lã Hồng T8, ông T8 chết năm 2022. Vợ chồng bà có 2 con là Lã Hồng T5, sinh năm 1988 có vợ là chị Tạ Thu Trang N4, sinh năm 1989. Anh T5 chị N4 có 2 con là Lã Minh A1, sinh năm 2013 và Lã Minh H1, sinh năm 2019 và anh Lã Tiến T6, sinh năm 2006.

Năm 2016 vợ chồng bà sang tên nhà đất số H G cho anh Phạm Anh T1 vì hai bên có làm ăn với nhau, sau đó anh T1 thế chấp nhà cho Ngân hàng, đến nay khi Tòa án đến thẩm định nhà đất bà mới biết căn nhà đã thế chấp để bảo đảm cho khoản vay 9.290.000.000 đồng.

Sau khi sang tên nhà đất cho anh T1, gia đình bà vẫn tiếp tục sinh sống tại đây, năm 2022 ông T8 chết, bà có liên lạc với anh T1 để trao đổi về khoản vay nhưng không liên lạc được.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Công ty cổ phần C1 do ông Bùi Hữu N3 đại diện theo pháp luật trình bày:** Theo Hợp đồng số 46/HĐKT-2022 về việc sửa chữa tàu chở dầu Hoàng L1 58 giữa Công ty cổ phần C1 và Công ty V1 thì hiện nay Công ty V1 còn nợ Công ty cổ phần C1 số tiền: 2.007.279.140 đồng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty cổ phần C1 buộc Công ty V1 trả cho Công ty C1 số tiền tính đến ngày 21/11/2023 số tiền là: 2.007.279.140 đồng

*** Tại phiên tòa:**

Đại diện Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối với Công ty TNHH T9 về việc buộc Công ty TNHH T9 thanh toán cho

Ngân hàng N5 số tiền tính đến ngày 7/5/2024 là: Nợ gốc: 44.375.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 15.528.289.180 đồng; lãi quá hạn: 397.249.155 đồng. Tổng cộng gốc và lãi: 60.300.538.335 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 8/5/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp Công ty TNHH T9 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 1502LAV202000594 ngày 29/12/2020 và các Giấy nhận nợ kèm theo thì:

- Nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý 3 tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho nguyên đơn. Trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì buộc kê biên tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Công ty cổ phần C1 do ông Bùi Hữu N3 đại diện theo pháp luật trình bày:** Theo Hợp đồng số 46/HĐKT-2022 về việc sửa chữa tàu chở dầu Hoàng L1 58 giữa Công ty cổ phần C1 và Công ty V1 thì hiện nay Công ty V1 còn nợ Công ty cổ phần C1 số tiền: 2.007.279.140 đồng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty cổ phần C1 buộc Công ty V1 trả cho Công ty C1 số tiền tính đến ngày 21/11/2023 số tiền là: 2.007.279.140 đồng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người liên quan được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Vụ án thụ lý từ ngày 11 tháng 11 năm 2022, đến nay đưa ra xét xử là chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đình chỉ yêu cầu thanh toán nợ gốc 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số 149; Tờ bản đồ số 55; Địa chỉ: Đ, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 954164 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 26/01/2018. Chủ sở hữu là ông Tạ Văn T7 và bà Kiều Thị L đã được Văn phòng Đ1 - Chi nhánh huyện Q đăng ký sang tên ngày 26/11/2018. Hợp đồng thế chấp

bất động sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng: 1022.2019, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 05/3/2019 tại Văn phòng Đ.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N5 đối với Công ty TNHH T9, chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần C1 đối với Công ty TNHH V1 theo Theo Hợp đồng số 46/HĐKT-2022 về việc sửa chữa tàu chở dầu Hoàng L1 58 giữa Công ty cổ phần C1 và Công ty V1. Bị đơn và Công ty V1 phải chịu án phí KDTM và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật (*Có bài phát biểu kèm theo*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm và ý kiến trình bày tranh tụng của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Ngày 11/11/2022, Tòa án thụ lý vụ án kinh doanh thương mại giữa Ngân hàng N5 với Công ty TNHH T9 về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp phát sinh trong giao dịch dân sự, giữa pháp nhân và pháp nhân, đều có đăng ký kinh doanh và mục đích lợi nhuận, phù hợp với quy định tại Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo điều 14 của Hợp đồng tín dụng, hai bên thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền giải quyết là nơi nguyên đơn có trụ sở. Ngân hàng N5 có trụ sở tại số B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội. Hợp đồng tín dụng trên phát sinh từ hoạt động của Ngân hàng N5 – Chi nhánh V3, địa chỉ: Số C phố B, phường C quận H, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là Công ty TNHH T9 do ông Phạm Anh T1 đại diện theo pháp luật và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: ông Tô Văn T2, bà Lê Thị N1, anh Tô Hoàng A, bà Trần Thị T3, ông Tô Văn B, chị Tô Thị H (bà N1, anh Hoàng A, bà T3, ông bảy, chị H do ông T2 đại diện theo ủy quyền); bà Nguyễn

Thị T4, anh Lã Hồng T5, chị Nguyễn Thu Trang N2, anh Lã Tiến T6 (anh T5, chị N2, anh T6 do bà T4 đại diện theo ủy quyền) nhưng những người này vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Hội đồng xét xử thấy:

2.1. Về Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào nội dung 02 hợp đồng cấp tín dụng (số 1502-LAV-201800637 ngày 06/11/2018 và số 1502-LAV-202000594 ngày 29/12/2020) và 09 Giấy nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng N5 – Chi nhánh H3 (nay là chi nhánh V3) (gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH T9 gồm:

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1502-LAV-201800637 ngày 06/11/2018 và với hạn mức cấp tín dụng là 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng) các phụ lục kèm theo; Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1502-LAV-202000594 ngày 29/12/2020 với hạn mức cấp tín dụng là 25.000.000.000 đồng (hai mươi lăm tỷ đồng); Lãi suất theo từng Giấy nhận nợ tại từng thời điểm. Dư nợ hiện tại theo các Giấy nhận nợ sau:

- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901401 ngày 14/10/2019; Số tiền nợ: 5.000.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm.

- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901527 ngày 05/11/2019; Số tiền nợ: 1.980.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm.

- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901578 ngày 14/11/2019; Số tiền nợ: 2.300.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm.

- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901604 ngày 19/11/2019; Số tiền nợ: 3.000.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm.

- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901611 ngày 20/11/2019; Số tiền nợ: 2.600.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm.

- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901616 ngày 21/11/2019; Số tiền nợ: 2.700.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm

- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901627 ngày 21/11/2019; Số tiền nợ: 2.800.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm.

- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901629 ngày 22/11/2019; Số tiền nợ: 1.620.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm.

Với tổng số tiền tính đến ngày 07/5/2024 là: 60.300.538.335 đồng (Bằng chữ: sáu mươi tỷ, ba trăm triệu, năm trăm ba tám nghìn ba trăm ba lăm đồng). Thời hạn vay và lãi suất được quy định vào từng giấy nhận nợ.

Xét Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1502-LAV-201800637 ngày 06/11/2018 và Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1502-LAV-202000594 ngày 29/12/2020; Giấy nhận nợ và cam kết trả nợ giữa Ngân hàng và Công ty T9 đều được ký kết bởi người có thẩm quyền. Các bên đương sự hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ về hình thức và nội dung, phù hợp các quy định của pháp luật về điều kiện cấp hạn mức tín dụng, lãi suất... quy định tại Luật các tổ chức tín dụng số 02/1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 20/2004.H11 và khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và hướng dẫn tại Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng. Đại diện bị đơn, Công ty T9 xác nhận các nội dung theo Hợp đồng tín dụng đã ký và xác nhận khoản nợ đối với Ngân hàng. Từ đó, có căn cứ khẳng định Hợp đồng tín dụng trên là có thật và hợp pháp.

Đối với khoản lãi: Theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1502-LAV-201800637 ngày 06/11/2018 và Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1502-LAV-202000594 ngày 29/12/2020 đều thỏa thuận mức lãi suất là 8,5%/1 năm, lãi suất cho vay áp dụng theo từng lần nhận nợ tùy chính sách của Ngân hàng. Ngoài ra còn thỏa thuận về lãi chậm trả tại thời điểm. Lãi suất điều chỉnh 3 tháng/1 lần.

Theo các giấy nhận nợ thì hai bên thỏa thuận mức lãi suất cố định theo từng giấy, cụ thể:

- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901401 ngày 14/10/2019; Số tiền nợ: 5.000.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm.

- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901527 ngày 05/11/2019; Số tiền nợ: 1.980.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm.

- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901578 ngày 14/11/2019; Số tiền nợ: 2.300.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm.

- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901604 ngày 19/11/2019; Số tiền nợ: 3.000.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm.

- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901611 ngày 20/11/2019; Số tiền nợ: 2.600.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm.
- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901616 ngày 21/11/2019; Số tiền nợ: 2.700.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm
- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901627 ngày 21/11/2019; Số tiền nợ: 2.800.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm.
- Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901629 ngày 22/11/2019; Số tiền nợ: 1.620.000.000 đồng; Lãi suất: 8.5%/năm. Đã điều chỉnh lãi suất 6.5% năm.

Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án các quyết định điều chỉnh lãi suất qua các thời kỳ, cụ thể: Ngân hàng đã chuyển mức áp dụng tính lãi suất của các Giấy nhận nợ xuống 8%/năm từ ngày 01/4/2020, còn mức lãi suất trước đó thực hiện theo đúng hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, Ngân hàng, điều chỉnh lãi suất toàn bộ với các Hợp đồng tín dụng chưa quá hạn được điều chỉnh xuống 8%, lãi suất quá hạn được tính không quá 150% là 12%/tháng là theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình vay, Công ty T9 đã trả được 2.989.823.787 đồng tiền lãi trong hạn và 4.196.918 đồng tiền lãi quá hạn, tổng cộng là: 2.994.020.685 đồng tiền lãi. Kể từ ngày 27/11/2019 đến nay, Công ty T9 không trả thêm bất kỳ khoản nào. Đến ngày 27/11/2019, Công ty T9 còn nợ gốc: 44.375.000.000 (bốn bốn tỷ, ba trăm bảy lăm triệu) đồng; Nợ lãi: 15.925.538.335 (mười lăm tỷ, chín trăm hai lăm triệu, năm trăm ba tám nghìn, ba trăm ba lăm) đồng (trong đó lãi trong hạn: 15.528.289.180 đồng, lãi quá hạn: 397.249.155 đồng). Tổng cộng gốc và lãi: 60.300.538.335 (sáu mươi tỷ, ba trăm triệu, năm trăm ba tám nghìn, ba trăm ba lăm) đồng.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là chính đáng, phù hợp với thỏa thuận giữa các bên đã được ký kết trong Hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N5 về việc buộc bị đơn là Công ty TNHH T9 phải thanh toán số tiền của Hợp đồng cung cấp hạn mức số 1502-LAV-201800637 ngày 06/11/2018 và Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1502-LAV-202000594 ngày 29/12/2020; các Giấy nhận nợ là: **Nợ gốc 44.375.000.000 (bốn bốn tỷ, ba trăm bảy lăm triệu) đồng; Nợ lãi: 15.925.538.335 (mười lăm tỷ, chín trăm hai lăm triệu, năm trăm ba tám nghìn, ba trăm ba lăm) đồng (trong đó lãi trong hạn: 15.528.289.180 đồng, lãi quá hạn: 397.249.155 đồng). Tổng cộng gốc và lãi: 60.300.538.335 (sáu mươi tỷ, ba trăm triệu, năm trăm**

ba tám nghìn ba trăm ba lăm) đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 8/5/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở để chấp nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH T9 có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng N5 – Chi nhánh V3 số tiền: **Nợ gốc 44.375.000.000 (bốn bốn tỷ, ba trăm bảy lăm triệu) đồng; Nợ lãi: 15.925.538.335 (mười lăm tỷ, chín trăm hai lăm triệu, năm trăm ba tám nghìn, ba trăm ba lăm) đồng (trong đó lãi trong hạn: 15.528.289.180 đồng, lãi quá hạn: 397.249.155 đồng). Tổng cộng gốc và lãi: 60.300.538.335 (sáu mươi tỷ, ba trăm triệu, năm trăm ba tám nghìn, ba trăm ba lăm) đồng.** Công ty T9 tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất là 12%/năm kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2.2. Về Hợp đồng thế chấp tài sản:

Để đảm bảo cho Hợp đồng hạn mức tín dụng và các Khế ước nhận nợ, Công ty T9 đã sử dụng 3 tài sản gồm 1 tài sản của công ty và 2 tài sản của bên thứ ba để đảm bảo gồm:

Tài sản 1:

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 74; Tờ bản đồ số 03; Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **AC576562** do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/11/2005. Chủ sở hữu là hộ gia đình ông Tô Văn T2 (bao gồm các ông bà Tô Văn T2, Tô Văn B, Trần Thị T3, Lê Thị N1, Tô Thị H, Tô Hoàng A). Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 2752/2018/HĐTC, quyền số 28/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 12/10/2018 tại Văn phòng C2; Đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ - Chi nhánh huyện Đ ngày 16/10/2018. Yêu cầu đăng ký thay đổi, sửa chữa sai sót tại Văn phòng Đ chi nhánh huyện Đ ngày 19/10/2018. Tài sản được bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T9, nghĩa vụ được bảo đảm 7.200.000.000 đồng.

Tài sản 2:

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số (65+66)1f; Tờ bản đồ số 6H-III-35; Địa chỉ: Số H đường G, phường Đ, quận H, TP .; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD769015 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 27/07/2016. Chủ sở hữu là ông Phạm Anh T1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công

chứng: 2613/2018/HĐTC, quyền số 27/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 28/09/2018 tại Văn phòng C2; Đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ – Chi nhánh quận H ngày 01/10/2018. Tài sản được bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T9, nghĩa vụ được bảo đảm 9.290.000.000 đồng.

Tài sản 3:

Các tài sản cùng quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản là 01(một) con tàu tên HOÀNG LINH 58, loại tàu: M. Tàu chở dầu, hồ hiệu/số IMO: 3WQD9/9782936, trọng tải toàn phần: 2915.30 MT, năm đóng: 2015, nơi đóng: Việt Nam, nơi đăng kí: Hải Phòng, tổ chức đăng kiểm: Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng kí số: HP-OIL-000820-3 do C3 tại thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/10/2018. Chủ sở hữu là Công ty TNHH T9. Hợp đồng thế chấp tài sản là động sản số công chứng 2446.2018/HĐTC, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/11/2018. Đăng kí thế chấp tại C3 tại thành phố Hải Phòng ngày 02/11/2018 theo số giấy chứng nhận 101/ĐKTC-2018.HP. Tài sản được bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH T9, nghĩa vụ được bảo đảm 30.000.000.000 đồng.

Xét các giao dịch đảm bảo là các Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Ngân hàng và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để đảm bảo các khoản vay của Công ty T9. Bên thế chấp là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản thế chấp. Hợp đồng thế chấp được ký kết tự nguyện, bởi người có thẩm quyền và không trái với quy định của pháp luật nên xác định là có giá trị pháp lý. Tài sản thế chấp được Đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, trong trường hợp Công ty T9 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Đối với yêu cầu của độc lập của Công ty cổ phần C1 về việc yêu cầu Công ty TNHH V1 thanh toán chi phí sửa chữa, bến bãi tính đến ngày 30/11/2023 là: 1.920.573.214 (một tỷ chín trăm hai mươi triệu năm trăm bảy ba nghìn hai trăm mười bốn) đồng.

Ngày 5/5/2024, ông Nguyễn Mạnh H2 – Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH V1 có đơn xin xử vắng mặt và đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu của Công ty cổ phần C1 đối với Công ty TNHH V1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

Để thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi của Công ty T9, Hội đồng xét xử xác định mỗi tài sản đảm bảo cho một phần nghĩa vụ của Công ty T9 theo tỷ lệ phân định trên hạn mức tín dụng cấp tối đa đã được xác định tại từng Hợp đồng thế chấp và mức lãi tương ứng, cụ thể:

Tài sản 1:

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 74; Tờ bản đồ số 03; Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **AC576562** do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/11/2005. Chủ sở hữu là hộ gia đình ông Tô Văn T2 (bao gồm các ông bà Tô Văn T2, Tô Văn B, Trần Thị T3, Lê Thị N1, Tô Thị H, Tô Hoàng A). Giá trị tài sản: 9.620.000.000 đồng, phạm vi bảo đảm của tài sản: 7.200.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn theo phạm vi bảo đảm của tài sản: 2.404.897.442 đồng, lãi quá hạn: 61.522.777 đồng (tính đến ngày 7/5/2024) và số tiền lãi phát sinh trên nợ gốc là 7.200.000.000 đồng kể từ ngày 8/5/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tài sản 2:

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số (65+66)1f; Tờ bản đồ số 6H-III-35; Địa chỉ: Số H đường G, phường Đ, quận H, TP .; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD769015 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 27/07/2016. Chủ sở hữu là ông Phạm Anh T1. Giá trị tài sản: 12.397.500.000 đồng, phạm vi bảo đảm của tài sản: 9.290.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn theo phạm vi bảo đảm của tài sản: 3.102.985.727 đồng, lãi quá hạn: 79.381.472 đồng (tính đến ngày 7/5/2024) và số tiền lãi phát sinh trên nợ gốc là 9.290.000.000 đồng kể từ ngày 8/5/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tài sản 3:

Các tài sản cùng quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản là 01(một) con tàu tên HOÀNG LINH 58, loại tàu: M. Tàu chở dầu, hồ hiệu/số IMO: 3WQD9/9782936, trọng tải toàn phần: 2915.30 MT, năm đóng: 2015, nơi đóng: Việt Nam, nơi đăng kí: Hải Phòng, tổ chức đăng kiểm: Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng kí số: HP-OIL-000820-3 do C3 tại thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/10/2018. Chủ sở hữu là Công ty TNHH T9. Giá trị tài sản: 45.000.000.000 đồng, phạm vi bảo đảm của

tài sản: 30.000.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn theo phạm vi bảo đảm của tài sản: 10.020.406.010 đồng, lãi quá hạn: 256.344.905 đồng (tính đến ngày 7/5/2024) và số tiền lãi phát sinh trên nợ gốc là 30.000.000.000 đồng kể từ ngày 8/5/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Khi xử lý tài sản để đảm bảo nghĩa vụ vay, cần ưu tiên trả nợ theo giá trị tối đa được phân định đối với từng tài sản theo đúng các Hợp đồng thế chấp đã ký kết và tiền lãi phát sinh tương ứng. Nếu số tiền xử lý tài sản còn thừa sẽ trả lại cho chủ sở hữu, nếu không đủ thì Công ty T9 sẽ tiếp tục phải trả cho Ngân hàng. Trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp thì tài sản được xử lý theo diện tích và kích thước thực tế của thửa đất tại thời điểm xử lý tài sản. Đối với diện tích đất và tài sản gắn liền với đất phát sinh không thuộc phạm vi thế chấp thì được xử lý cùng, nhưng trị giá phần phát sinh sau khi phát mại thì trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo qui định của pháp luật.

Trong quá trình xử lý tài sản thế chấp là nhà đất nêu trên thì những người có tên trong hộ khẩu và những người thực tế đang sinh sống tại thửa đất nêu trên đều có nghĩa vụ chấp hành bản án.

[3] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí.

Do bị đơn phải trả cho Ngân hàng tổng nợ gốc và lãi tính đến ngày 07/5/2024 là: 60.300.538.335 (sáu mươi tỷ, ba trăm triệu, năm trăm ba tám nghìn, ba trăm ba lăm) đồng nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 168.300.538 đồng.

Công ty V1 phải chịu 69.617.196 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 280, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Điều 2,6,7,9 và 30 Luật thi hành án dân sự.

Điều 21, 30, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu thanh toán nợ gốc 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số 149; Tờ bản đồ số 55; Địa chỉ: Đ, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 954164 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 26/01/2018. Chủ sở hữu là ông Tạ Văn T7 và bà Kiều Thị L đã được Văn phòng Đ - Chi nhánh huyện Q đăng ký sang tên ngày 26/11/2018. Hợp đồng thế chấp bất động sản để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng: 1022.2019, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 05/3/2019 tại Văn phòng Đ, thành phố Hà Nội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N5 đối với Công ty TNHH T9 đối với Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1502-LAV-201800637 ngày 06/11/2018 và Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1502-LAV-202000594 ngày 29/12/2020; Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901401 ngày 14/10/2019; Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901527 ngày 05/11/2019; Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901578 ngày 14/11/2019; Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901604 ngày 19/11/2019; Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901611 ngày 20/11/2019; Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901616 ngày 21/11/2019; Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901627 ngày 21/11/2019; Giấy nhận nợ số 1502-LDS-201901629 ngày 22/11/2019;

3. Buộc Công ty TNHH T9 phải thanh toán cho Ngân hàng N5 số tiền tính đến ngày 7/5/2024 là: Nợ gốc 44.375.000.000 (bốn bốn tỷ, ba trăm bảy lăm triệu) đồng; Nợ lãi: 15.925.538.335 (mười lăm tỷ, chín trăm hai lăm triệu, năm trăm ba tám nghìn, ba trăm ba lăm) đồng (trong đó lãi trong hạn: 15.528.289.180 đồng, lãi quá hạn: 397.249.155 đồng). Tổng cộng gốc và lãi: 60.300.538.335 (sáu mươi tỷ, ba trăm triệu, năm trăm ba tám nghìn, ba trăm ba lăm) đồng.

Kể từ ngày 08/5/2024, Công ty TNHH T9 phải tiếp tục trả cho Ngân hàng N5 khoản tiền lãi phát sinh theo lãi suất 12%/ năm đối với khoản nợ gốc 44.375.000.000 đồng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

4. Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH T9 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng N5 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ 03 tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên (phạm vi thanh toán và thực hiện biện pháp bảo đảm của từng tài sản chi tiết như dưới đây) gồm:

4.1: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 74; Tờ bản đồ số 03; Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **AC576562** do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/11/2005. Chủ sở hữu là hộ gia đình ông Tô Văn T2 (bao gồm các ông bà Tô Văn T2, Tô Văn B, Trần Thị T3, Lê Thị N1, Tô Thị H, Tô Hoàng A). Giá trị tài sản: 9.620.000.000 đồng, phạm vi bảo đảm của tài sản: 7.200.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn theo phạm vi bảo đảm của tài sản: 2.404.897.442 đồng, lãi quá hạn: 61.522.777 đồng (tính đến ngày 7/5/2024) và số tiền lãi phát sinh trên nợ gốc là 7.200.000.000 đồng kể từ ngày 8/5/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

4.2: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất thuộc Thửa đất số (65+66)1f; Tờ bản đồ số 6H-III-35; Địa chỉ: Số H đường G, phường Đ, quận H, TP .; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD769015 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố H cấp ngày 27/07/2016. Chủ sở hữu là ông Phạm Anh T1. Giá trị tài sản: 12.397.500.000 đồng, phạm vi bảo đảm của tài sản: 9.290.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn theo phạm vi bảo đảm của tài sản: 3.102.985.727 đồng, lãi quá hạn: 79.381.472 đồng (tính đến ngày 7/5/2024) và số tiền lãi phát sinh trên nợ gốc là 9.290.000.000 đồng kể từ ngày 8/5/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

4.3: Các tài sản cùng quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản là 01(một) con tàu tên HOÀNG LINH 58, loại tàu: M. Tàu chở dầu, hồ hiệu/số IMO: 3WQD9/9782936, trọng tải toàn phần: 2915.30 MT, năm đóng: 2015, nơi đóng: Việt Nam, nơi đăng kí: Hải Phòng, tổ chức đăng kiểm: Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng kí số: HP-OIL-000820-3 do C3 tại thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/10/2018. Chủ sở hữu là Công ty TNHH T9. Giá trị tài sản: 45.000.000.000

đồng, phạm vi bảo đảm của tài sản: 30.000.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn theo phạm vi bảo đảm của tài sản: 10.020.406.010 đồng, lãi quá hạn: 256.344.905 đồng (tính đến ngày 7/5/2024) và số tiền lãi phát sinh trên nợ gốc là 30.000.000.000 đồng kể từ ngày 8/5/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp thì được xử lý theo diện tích và kích thước thực tế của thửa đất tại thời điểm xử lý tài sản. Đối với diện tích đất và tài sản gắn liền với đất phát sinh không thuộc phạm vi thế chấp thì được xử lý cùng nhưng trị giá phần phát sinh sau khi phát mại thì trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo qui định của pháp luật.

5. Nếu Công ty TNHH T9 trả được toàn bộ số nợ quy định tại mục 2 của quyết định này thì Ngân hàng N5 phải tiến hành giải chấp và trả lại tài sản thế chấp cho chủ sở hữu.

6. Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang quản lý, sử dụng tài sản thế chấp, những người có đăng ký hộ khẩu thường trú và những người không có hộ khẩu thường trú nhưng sinh sống trên tài sản thế chấp đều có nghĩa vụ chấp hành bản án.

7. Trong trường hợp nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng N5 thì Công ty TNHH T9 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N5 cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay bao gồm nợ gốc, nợ lãi và lãi phát sinh kể từ ngày 8/5/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

8. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty cổ phần C1 đối với Công ty TNHH V1 về Hợp đồng kinh tế số 46/HĐKT-2022 ngày 18/6/2022 về việc sửa chữa dầu H4. Buộc Công ty TNHH V1 phải trả Công ty cổ phần C1 số tiền tính đến ngày 30/11/2023 số tiền là: 1.920.573.214 đồng.

Kể từ ngày 01/12/2023, Công ty TNHH V1 phải tiếp tục trả cho Công ty cổ phần C1 khoản tiền lãi phát sinh theo lãi suất của Ngân hàng quy định đối với khoản nợ gốc 1.920.573.214 đồng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

9. Về án phí sơ thẩm:

Công ty cổ phần T9 phải nộp 168.300.538 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng N5 81.984.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052008 ngày 07 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH V1 phải chịu 69.617.196 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty cổ phần C1 34.808.598 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006047 ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng N5, Công ty Cổ phần C1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Công an quận Hoàn Kiếm;
- CC Thi hành án DS quận Hoàn Kiếm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng